

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 587/2018/HC-PT

Ngày: 13 - 6 -2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng
mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Bà Lê Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 5 năm 2018 và ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ
sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án
hành chính thụ lý số 71/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc
“Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2207/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm
2017 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1942/2018/QĐ-PT ngày
02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Trọng H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh D, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số chứng thực 1460 ngày 23/4/2018 lập tại Ủy ban
nhân dân Phường 13, quận B)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Quận B.

(Văn bản ủy quyền số 138/GUQ-UBND ngày 19/12/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Ngọc Anh H – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B.

- Ông Phạm Ngọc P – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Thanh V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng H, sinh năm 1971.

(Giấy ủy quyền số công chứng 41504 ngày 19/12/2012).

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Trọng H – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Trần Trọng H trình bày:

Căn nhà tại Phường A, Quận B của ông nằm trong hẻm rộng 6m bị giải tỏa toàn phần để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài. Giá trị căn nhà và đất ở vào thời điểm năm 2008 là 6 tỷ đồng. Trong suốt thời gian kể từ năm 2007 đến tháng 8/2011 Ủy ban nhân dân quận B đã vận dụng bồi thường trái pháp luật, kéo dài việc bồi thường gây thiệt hại cho gia đình ông.

Ngày 10/7/2008, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B đã ban hành Phiếu chiết tính số 16/T12/P13 với tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 1.418.577.000 đồng, trong đó về đất bồi thường là đất ở, phần bồi thường về nhà không đúng với cấu trúc thực tế của căn nhà. Do vậy, ông đã gửi đơn đề nghị Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B tính lại về phần cấu trúc nhà, lầu 1 sàn bê tông cốt thép. Sau đó ngày 23/9/2008, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B lại ban hành Phiếu chiết tính số 16/T.12/P.13 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 422.565.560 đồng. Đến ngày 21/10/2008, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B ban hành Phiếu chiết tính số 16/T.12/P.13 với tổng số tiền bồi thường là 559.703.560 đồng. Ngày 10/12/2008, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 9767/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông số tiền bồi thường là 559.703.560 đồng, trong đó bồi thường về đất là đất nông nghiệp.

Ngày 30/01/2011, Thanh tra chính phủ có Kết luận số 158/KL-TTCP và Văn phòng chính phủ có Văn bản số 1753/VPCPKNTN liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài. Đến ngày 12/8/2011 Ủy ban nhân dân quận B mới ban hành Quyết định số 10164/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 9767/QĐ-UBND nêu trên với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.603.855.700 đồng. Tuy nhiên, vẫn xác định căn nhà của gia đình ông thuộc hẻm rộng từ 03m đến 05m.

Sau khi có kết luận của Thanh tra chính phủ nêu trên, lẽ ra Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B phải thẩm định lại chứng thư thẩm định giá đất tại thời điểm bồi thường vì giá đất nền từ năm 2007, 2008 so với cuối năm 2011 đã bị trượt giá rất nhiều, tăng 300% do trượt giá.

Thực tế đường hẻm nhà ông rộng 06m chứ không phải 05m, có chứng cứ pháp lý rõ ràng là Quyết định số 34/QĐ/UBND ngày 16/4/1996 của Ủy ban nhân dân quận B và đến ngày giải tỏa nhà bàn giao mặt bằng năm 2009 thì đây vẫn là đường hẻm rộng 06m không phải là đường hẻm rộng từ 03m đến 05m như Phương án số 53/PA-UBND ngày 01/4/2008.

Từ những căn cứ trên, ông đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh và bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B nâng mức giá bồi thường đúng theo thực tế vị trí căn nhà của ông đang ở, tọa lạc tại Phường A, Quận B thuộc đường hẻm rộng 06m, theo giá thời điểm tháng 8/2011 là từ 35.000.000 đến 40.000.000 đồng/m² đất ở.

Người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc căn nhà tại Phường A, Quận B do ông Trần Trọng H xây dựng không phép vào thời điểm tháng 3/2000 trên phần đất trống của ông Trần Văn K và bà Trần Thị T (cha mẹ của ông H) cho ngày 10/4/1991 bằng giấy tay có diện tích khuôn viên là 110,1m². Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 169/TT-XKT ngày 15/10/1993 của Thanh tra quận B, phần đất ông Trần Trọng H sử dụng xây dựng nhà ở thuộc một phần thửa 452, tờ số 2 bản đồ 299/TTg diện vắng chủ do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B quản lý và giao cho Phòng Lao động quận B sử dụng. Năm 1977, Phòng Lao động quận B thỏa thuận giao cho ông Trần Văn K trực tiếp canh tác một phần diện tích 10m x 25m = 250m², ông K có trách nhiệm quản lý phần diện tích đất còn lại của Phòng Lao

động là $1.456m^2$. Do canh tác không hiệu quả, Phòng Lao động quận B đã bỏ trống, ông Trần Văn K chiếm dụng cho ông Trần Trọng H xây dựng nhà ở.

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố H ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định:

- Điểm b Khoản 7 Điều 7 quy định đất đang sử dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ được đưa vào sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 22/4/2002: “Mục đích là sử dụng đất ở thì được hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá $100m^2$ /hộ; Phần diện tích còn lại (nếu có) không xét hỗ trợ về đất ở, được tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp theo quy định nêu trên”.

- Điểm b, Khoản 2, Điều 20 quy định: “Nhà ở, công trình sinh hoạt xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc trước ngày 22/4/2002 được hỗ trợ bằng 80% giá trị công trình theo đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành”.

Căn cứ Công văn số 1019/UBND-ĐTMT ngày 15/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thẩm định đơn giá bồi thường trong Dự án đầu tư xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài trên địa bàn quận B, chấp thuận đơn giá đất ở để tính bồi thường vị trí hẻm cấp 1 (rộng từ 03m đến 05m) đường Phường A, Quận B là 13.490.000 đồng/ m^2 (kèm bản đồ giá). Ngày 10/12/2008, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9767/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 345, đường Nguyễn Xí, Phường A, quận B của ông Trần Trọng H, cụ thể: hỗ trợ đối với phần diện tích đất trong hạn mức: $100m^2 \times (13.490.000 \text{ đồng} \times 20\%) = 269.800.000 \text{ đồng}$; Hỗ trợ đối với phần diện tích đất vượt hạn mức: $(110,1m^2 - 100 m^2) \times 158.000 \text{ đồng} = 1.595.800 \text{ đồng}$; Về cấu trúc nhà xây dựng trước 22/4/2002 trên đất không đủ điều kiện bồi thường được tính hỗ trợ bằng 80% trị giá nhà theo diện tích hiện trạng nhân với đơn giá xây dựng mới quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/2/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố

Tuy nhiên, theo Kết luận Thanh tra số 158/KL-TTTP ngày 30/01/2011 của Thanh tra Chính phủ về xác minh, làm rõ nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài đã xem xét tính bồi thường, hỗ trợ đất ở đối với trường hợp của ông Vũ Đình Xương có nguồn gốc sử dụng đất tương tự như ông Trần Trọng H nên Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 về điều chỉnh bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà tại Phường A, Quận B:

- Bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích đất ông Trần Trọng H sử dụng thực tế nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính: $110,10\text{m}^2 \times (13.490.000 \text{ đồng} - [4.400.000 \text{ đồng} \times 50\%]) = 1.243.029.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường bằng 100% giá trị nhà theo diện tích hiện trạng nhân (x) với đơn giá xây dựng mới quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Về tái định cư, giải quyết cho ông Trần Trọng H được mua một nền đất số C1, diện tích $74,56\text{m}^2$ tại khu dân cư Xã X, huyện M.

Ông H đã đồng ý nhận tiền và nền đất tái định cư nhưng ông H vẫn gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận B yêu cầu được bồi thường giá đất tại thời điểm năm 2011, vị trí hẻm rộng 6m.

Ngày 31/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 784/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Trọng H có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H. Không đồng ý ông H gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngày 21/8/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Trọng H có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, bác đơn khiếu nại của ông Trần Trọng H yêu cầu bồi thường đất tại thời điểm năm 2011 là $40.000.000 \text{ đồng/m}^2$ và đơn giá đất vị trí hẻm rộng 6m.

Theo Bản đồ địa chính chính quy năm 2002 của Phường A, Quận B thì vị trí nhà ông H nằm trong hẻm rộng từ 03 m đến 05 m. Theo cách tính của Công văn 7575/HD-LS ngày 07/8/2008 của Liên Sở Tài chính – Cục thuế – Sở xây dựng – Sở Tài nguyên môi trường về việc hướng dẫn áp dụng bảng giá các loại đất ban hành theo Quyết định số 144/2007/UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên tắc xác định vị trí hẻm là dựa vào

chiều rộng nhỏ nhất của hẻm mà muốn vào vị trí đất đó phải đi qua. Như vậy, vị trí nhà ông H thuộc vị trí hẻm cấp 1 rộng từ 03m đến 05m, tính theo chiều rộng của đầu vào hẻm.

Việc ông H cho rằng hẻm rộng 06m theo Quyết định cưỡng chế số 34/QĐ-UB là không có căn cứ vì theo thực tế của Bản đồ địa chính lập năm 2002 thì hẻm chỉ có 4,04 m. Theo nguyên tắc bồi thường thì phải tính theo hiện trạng của Bản đồ địa chính năm 2002.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh V có ông Trần Trọng H là người đại diện theo ủy quyền: Thống nhất với trình bày nêu trên của ông H và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2207/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận B quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng H về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông Trần Trọng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, huỷ Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng và buộc Ủy ban nhân dân quận B nâng mức giá bồi thường thuộc hẻm rộng 06m theo giá thời điểm tháng 8/2011 là 40.000.000 đồng/m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Thống nhất với ý kiến người bị kiện đã trình bày và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thời hiệu khởi kiện

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh V có ông Trần Trọng H đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trọng H. Về đối tượng khởi kiện: Ngày 21/8/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Trọng H đối với Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2012 ông H xác định rõ yêu cầu là khởi kiện Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà tại Phường A, Quận B của ông Trần Trọng H, bà Ngô Thị Thanh V. Ông Trần Trọng H không khởi kiện Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại. Ông H đã nhận Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B trước ngày 07/9/2011. Tính từ ngày 07/9/2011 đến ngày 19/9/2012 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính và điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010. Do đã hết thời hiệu khởi kiện, căn cứ Khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Trọng H làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận

Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Hồ P là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông Phan Ngọc Anh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 158, Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ P và ông Phan Ngọc Anh H

Về nội dung: Ông Trần Trọng H khởi kiện Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà tại Phường A, Quận B. Vào ngày 11/6/2018 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có bổ sung đơn trình bày ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thời hiệu khởi kiện và tại phiên tòa phúc thẩm phía người bị kiện trình bày ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thời hiệu khởi kiện. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của người khởi kiện ông Trần Trọng H thì gia đình ông H nhận Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B vào ngày 16/8/2011. Ngày 07/9/2011 ông H làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 31/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 784/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Trọng H có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B. Không đồng ý ông Hiếu gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngày 21/8/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Trọng H có nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, bác đơn khiếu nại của ông Trần Trọng H yêu cầu bồi thường đất tại thời điểm năm 2011 là 40.000.000 đồng/m² và đơn giá đất vị trí hẻm rộng 6m. Ngày 21/9/2012 ông Trần Trọng H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận B với yêu cầu là khởi kiện Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng. Tòa án nhân dân quận B thụ lý đơn khởi kiện vào ngày 10/10/2012.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2207/2017/HC-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân quận B nhận định: “ngày 12/8/2011 Ủy ban nhân dân Thành

phổ H ban hành Quyết định số 10164/QĐ-UBND, không đồng ý với quyết định này, ông Trần Trọng H đã khiếu nại nên ngày 21/8/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 4267/QĐ-UB ngày 12/8/2011 giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, số 748/QĐ-UBND ngày 31/1/2012. Trong thời hạn 30 ngày, ngày 19/9/2012 ông Trần Trọng H khởi kiện Quyết định hành chính số 10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 là còn trong thời hạn luật định”. Xét nhận định trên của Tòa án nhân dân quận B sai về hình thức và nội dung. Về hình thức: Sai về lỗi đánh máy, Quyết định số 10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 là do Ủy ban nhân dân quận B ban hành nhưng lại đánh máy là Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành, đánh máy thừa “ngày 12/8/2011” phía sau cụm từ “Quyết định giải quyết khiếu nại số 4267/QĐ-UB”. Về nội dung: Nhận định trên cho rằng trong thời hạn 30 ngày, ngày 19/9/2012 ông Trần Trọng H khởi kiện Quyết định hành chính số 10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 là còn trong thời hạn luật định. Xét về thời hiệu khởi kiện: Đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và điều chỉnh Điều 2 của Quyết định số 9767/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng. Trong vụ án này ông Hiếu không kiện quyết định giải quyết khiếu nại mà chỉ khởi kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ. Tại Điều 2 của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính quy định: Các vụ án hành chính phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 104 của Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010 thì thời hiệu khởi là một năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính Căn cứ tài liệu có ông trong hồ sơ thì gia đình ông H nhận Quyết định số 10164/QĐUBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B vào ngày 16/8/2011 (vợ ông H là bà Ngô Thị Thanh V ký nhận quyết định), ngày 07/9/2011 ông H làm đơn khiếu nại. Như vậy, có căn cứ xác định ông H biết được Quyết định số 10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B trước ngày 07/9/2011, ông H gửi đơn kiện vào ngày 21/9/2012 (thể hiện tại dấu công văn đến trên đơn). Tính từ ngày ông Trần Trọng H biết được quyết định khởi kiện là trước ngày 07/9/2011 đến ngày khởi kiện 21/09/2012 là đã quá thời hạn một năm, đã hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông Trần Trọng H đối với Quyết định hành chính số

10164/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B là không đúng với quy định của pháp luật.

Xét do đã hết thời hiệu khởi kiện nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 2207/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận B và đình chỉ giải quyết vụ án

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Trọng H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng

Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Trần Trọng H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 18, khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử :

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 2207/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 71/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng”.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Trọng H 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số AH/2011/03636 ngày 08/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Trọng H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Trọng H theo Biên lai số AA/2017/0003082 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi